

## THÔNG BÁO LUỒNG

### Định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia luồng sông Hậu

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 876/BCL-ĐTNĐPB ngày 3/7/2018 của Chi cục Đường thủy nội địa phía Nam về việc Báo cáo luồng định kỳ đường thủy nội địa quốc gia;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia sông Cổ Cò, như sau:

1. Tìm luồng đường thủy nội địa sông Hậu từ rạch Gòi Lớn đến thượng lưu cảng Bình Long dài 35,2km gồm các điểm từ SH-01 đến SH-52:

Bề rộng luồng cho tàu có trọng tải lớn lưu thông là 150m (tính từ tìm luồng ra 2 bên, mỗi bên 75m) và độ sâu nhỏ nhất trong khu vực thông báo -8,0m (hệ cao độ Hòn Dấu), ngoại trừ một số điểm cận cục bộ lưu ý ở mục 4 dưới đây.

2. Tìm luồng sông Hậu từ thượng lưu cảng Bình Long ngã ba kênh Tân Châu dài 29,8km gồm các điểm SH-52 đến SH-95:

Bề rộng luồng cho tàu có trọng tải lớn lưu thông là 130m (tính từ tìm luồng ra 2 bên, mỗi bên 65m) và độ sâu nhỏ nhất trong khu vực thông báo -6,0m (hệ cao độ Hòn Dấu), ngoại trừ một số điểm cận cục bộ lưu ý ở mục 4 dưới đây.

3. Tọa độ các điểm tìm luồng được thể hiện trong bảng sau:

| STT | Số hiệu điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |                | Hệ tọa độ WGS-84 |                |
|-----|--------------|-------------------|----------------|------------------|----------------|
|     |              | Vĩ độ             | Kinh độ        | Vĩ độ            | Kinh độ        |
| 1   | SH-01        | N10°21'50.54"     | E105°27'38.58" | N10°21'46.90"    | E105°27'45.01" |
| 2   | SH-02        | N10°21'59.60"     | E105°27'35.01" | N10°21'55.96"    | E105°27'41.44" |
| 3   | SH-03        | N10°22'37.40"     | E105°27'16.65" | N10°22'33.76"    | E105°27'23.08" |
| 4   | SH-04        | N10°22'51.13"     | E105°27'10.68" | N10°22'47.49"    | E105°27'17.12" |
| 5   | SH-05        | N10°23'01.04"     | E105°27'04.14" | N10°22'57.40"    | E105°27'10.58" |
| 6   | SH-06        | N10°23'08.16"     | E105°26'53.65" | N10°23'04.51"    | E105°27'00.08" |
| 7   | SH-07        | N10°23'18.77"     | E105°26'33.34" | N10°23'15.13"    | E105°26'39.78" |
| 8   | SH-08        | N10°23'35.64"     | E105°26'13.19" | N10°23'32.00"    | E105°26'19.62" |
| 9   | SH-09        | N10°23'49.69"     | E105°25'58.01" | N10°23'46.05"    | E105°26'04.45" |
| 10  | SH-10        | N10°24'03.26"     | E105°25'43.08" | N10°23'59.61"    | E105°25'49.52" |
| 11  | SH-11        | N10°24'20.19"     | E105°25'25.21" | N10°24'16.55"    | E105°25'31.65" |
| 12  | SH-12        | N10°24'30.78"     | E105°25'16.06" | N10°24'27.14"    | E105°25'22.49" |
| 13  | SH-13        | N10°24'44.03"     | E105°25'05.26" | N10°24'40.39"    | E105°25'11.69" |
| 14  | SH-14        | N10°25'01.26"     | E105°24'54.33" | N10°24'57.62"    | E105°25'00.76" |

| STT | Số hiệu điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |                | Hệ tọa độ WGS-84 |                |
|-----|--------------|-------------------|----------------|------------------|----------------|
|     |              | Vĩ độ             | Kinh độ        | Vĩ độ            | Kinh độ        |
| 15  | SH-15        | N10°25'11.21"     | E105°24'49.56" | N10°25'07.57"    | E105°24'56.00" |
| 16  | SH-16        | N10°25'26.19"     | E105°24'43.75" | N10°25'22.55"    | E105°24'50.18" |
| 17  | SH-17        | N10°25'41.04"     | E105°24'38.43" | N10°25'37.40"    | E105°24'44.87" |
| 18  | SH-18        | N10°26'00.81"     | E105°24'31.41" | N10°25'57.17"    | E105°24'37.85" |
| 19  | SH-19        | N10°26'17.46"     | E105°24'24.13" | N10°26'13.82"    | E105°24'30.56" |
| 20  | SH-20        | N10°26'24.03"     | E105°24'19.66" | N10°26'20.39"    | E105°24'26.10" |
| 21  | SH-21        | N10°26'30.24"     | E105°24'14.22" | N10°26'26.60"    | E105°24'20.66" |
| 22  | SH-22        | N10°26'36.93"     | E105°24'02.79" | N10°26'33.29"    | E105°24'09.22" |
| 23  | SH-23        | N10°26'50.33"     | E105°23'39.11" | N10°26'46.68"    | E105°23'45.54" |
| 24  | SH-24        | N10°27'04.37"     | E105°23'16.01" | N10°27'00.73"    | E105°23'22.45" |
| 25  | SH-25        | N10°27'12.16"     | E105°23'04.79" | N10°27'08.52"    | E105°23'11.22" |
| 26  | SH-26        | N10°27'26.46"     | E105°22'47.10" | N10°27'22.82"    | E105°22'53.54" |
| 27  | SH-27        | N10°27'56.67"     | E105°22'20.09" | N10°27'53.03"    | E105°22'26.53" |
| 28  | SH-28        | N10°28'26.74"     | E105°21'52.84" | N10°28'23.10"    | E105°21'59.28" |
| 29  | SH-29        | N10°28'56.53"     | E105°21'23.23" | N10°28'52.89"    | E105°21'29.67" |
| 30  | SH-30        | N10°29'24.97"     | E105°20'55.04" | N10°29'21.33"    | E105°21'01.47" |
| 31  | SH-31        | N10°29'43.75"     | E105°20'37.85" | N10°29'40.11"    | E105°20'44.29" |
| 32  | SH-32        | N10°29'53.94"     | E105°20'31.99" | N10°29'50.30"    | E105°20'38.43" |
| 33  | SH-33        | N10°30'38.44"     | E105°20'11.95" | N10°30'34.80"    | E105°20'18.39" |
| 34  | SH-34        | N10°31'05.82"     | E105°19'59.55" | N10°31'02.18"    | E105°20'05.98" |
| 35  | SH-35        | N10°31'30.71"     | E105°19'48.45" | N10°31'27.08"    | E105°19'54.89" |
| 36  | SH-36        | N10°31'42.25"     | E105°19'44.12" | N10°31'38.61"    | E105°19'50.55" |
| 37  | SH-37        | N10°32'18.20"     | E105°19'33.03" | N10°32'14.56"    | E105°19'39.47" |
| 38  | SH-38        | N10°32'34.56"     | E105°19'26.29" | N10°32'30.92"    | E105°19'32.73" |
| 39  | SH-39        | N10°32'48.68"     | E105°19'13.03" | N10°32'45.05"    | E105°19'19.47" |
| 40  | SH-40        | N10°33'13.64"     | E105°18'35.85" | N10°33'10.00"    | E105°18'42.28" |
| 41  | SH-41        | N10°33'14.71"     | E105°18'10.46" | N10°33'11.07"    | E105°18'16.89" |
| 42  | SH-42        | N10°33'15.50"     | E105°17'53.77" | N10°33'11.87"    | E105°18'00.21" |
| 43  | SH-43        | N10°33'16.33"     | E105°17'35.04" | N10°33'12.69"    | E105°17'41.48" |
| 44  | SH-44        | N10°33'20.82"     | E105°17'05.56" | N10°33'17.18"    | E105°17'12.00" |
| 45  | SH-45        | N10°33'25.75"     | E105°16'33.86" | N10°33'22.12"    | E105°16'40.29" |
| 46  | SH-46        | N10°33'28.10"     | E105°16'18.69" | N10°33'24.46"    | E105°16'25.13" |
| 47  | SH-47        | N10°33'34.12"     | E105°16'03.10" | N10°33'30.48"    | E105°16'09.54" |
| 48  | SH-48        | N10°33'41.37"     | E105°15'49.22" | N10°33'37.73"    | E105°15'55.66" |
| 49  | SH-49        | N10°34'02.62"     | E105°15'22.69" | N10°33'58.98"    | E105°15'29.12" |
| 50  | SH-50        | N10°34'12.79"     | E105°15'09.80" | N10°34'09.15"    | E105°15'16.24" |
| 51  | SH-51        | N10°34'23.73"     | E105°14'56.77" | N10°34'20.10"    | E105°15'03.21" |
| 52  | SH-52        | N10°34'31.98"     | E105°14'48.14" | N10°34'28.34"    | E105°14'54.58" |
| 53  | SH-53        | N10°34'35.28"     | E105°14'44.69" | N10°34'31.64"    | E105°14'51.12" |
| 54  | SH-54        | N10°34'51.41"     | E105°14'27.87" | N10°34'47.78"    | E105°14'34.31" |
| 55  | SH-55        | N10°35'12.06"     | E105°14'05.95" | N10°35'08.42"    | E105°14'12.39" |
| 56  | SH-56        | N10°35'30.50"     | E105°13'47.83" | N10°35'26.86"    | E105°13'54.27" |
| 57  | SH-57        | N10°35'55.37"     | E105°13'26.29" | N10°35'51.73"    | E105°13'32.73" |
| 58  | SH-58        | N10°36'21.85"     | E105°13'05.98" | N10°36'18.21"    | E105°13'12.42" |
| 59  | SH-59        | N10°36'32.78"     | E105°12'58.54" | N10°36'29.14"    | E105°13'04.98" |
| 60  | SH-60        | N10°36'59.54"     | E105°12'46.12" | N10°36'55.91"    | E105°12'52.56" |
| 61  | SH-61        | N10°37'16.41"     | E105°12'39.29" | N10°37'12.77"    | E105°12'45.73" |
| 62  | SH-62        | N10°37'33.30"     | E105°12'37.96" | N10°37'29.67"    | E105°12'44.40" |
| 63  | SH-63        | N10°37'55.84"     | E105°12'39.24" | N10°37'52.21"    | E105°12'45.68" |

| STT | Số hiệu điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |                | Hệ tọa độ WGS-84 |                |
|-----|--------------|-------------------|----------------|------------------|----------------|
|     |              | Vĩ độ             | Kinh độ        | Vĩ độ            | Kinh độ        |
| 64  | SH-64        | N10°38'15.47"     | E105°12'43.46" | N10°38'11.83"    | E105°12'49.90" |
| 65  | SH-65        | N10°38'44.26"     | E105°12'47.92" | N10°38'40.63"    | E105°12'54.36" |
| 66  | SH-66        | N10°39'09.42"     | E105°12'51.79" | N10°39'05.78"    | E105°12'58.23" |
| 67  | SH-67        | N10°39'29.45"     | E105°12'52.35" | N10°39'25.81"    | E105°12'58.79" |
| 68  | SH-68        | N10°40'00.92"     | E105°12'44.14" | N10°39'57.29"    | E105°12'50.58" |
| 69  | SH-69        | N10°40'18.09"     | E105°12'37.00" | N10°40'14.45"    | E105°12'43.45" |
| 70  | SH-70        | N10°40'31.94"     | E105°12'29.56" | N10°40'28.31"    | E105°12'36.00" |
| 71  | SH-71        | N10°40'56.45"     | E105°12'11.59" | N10°40'52.82"    | E105°12'18.03" |
| 72  | SH-72        | N10°41'17.42"     | E105°12'02.28" | N10°41'13.79"    | E105°12'08.72" |
| 73  | SH-73        | N10°41'24.52"     | E105°11'55.54" | N10°41'20.89"    | E105°12'01.98" |
| 74  | SH-74        | N10°41'31.26"     | E105°11'44.92" | N10°41'27.62"    | E105°11'51.36" |
| 75  | SH-75        | N10°41'40.88"     | E105°11'25.15" | N10°41'37.25"    | E105°11'31.59" |
| 76  | SH-76        | N10°41'53.09"     | E105°10'59.22" | N10°41'49.45"    | E105°11'05.66" |
| 77  | SH-77        | N10°42'00.77"     | E105°10'36.53" | N10°41'57.13"    | E105°10'42.97" |
| 78  | SH-78        | N10°42'04.69"     | E105°10'16.93" | N10°42'01.06"    | E105°10'23.38" |
| 79  | SH-79        | N10°42'08.06"     | E105°09'52.17" | N10°42'04.43"    | E105°09'58.62" |
| 80  | SH-80        | N10°42'13.13"     | E105°09'22.81" | N10°42'09.50"    | E105°09'29.26" |
| 81  | SH-81        | N10°42'17.53"     | E105°08'57.90" | N10°42'13.89"    | E105°09'04.35" |
| 82  | SH-82        | N10°42'23.68"     | E105°08'23.59" | N10°42'20.05"    | E105°08'30.03" |
| 83  | SH-83        | N10°42'27.61"     | E105°07'57.80" | N10°42'23.98"    | E105°08'04.24" |
| 84  | SH-84        | N10°42'32.42"     | E105°07'36.83" | N10°42'28.78"    | E105°07'43.28" |
| 85  | SH-85        | N10°42'38.19"     | E105°07'26.03" | N10°42'34.55"    | E105°07'32.47" |
| 86  | SH-86        | N10°42'46.49"     | E105°07'24.87" | N10°42'42.85"    | E105°07'31.32" |
| 87  | SH-87        | N10°43'21.77"     | E105°07'33.65" | N10°43'18.14"    | E105°07'40.10" |
| 88  | SH-88        | N10°43'43.76"     | E105°07'41.01" | N10°43'40.12"    | E105°07'47.45" |
| 89  | SH-89        | N10°44'09.47"     | E105°07'48.67" | N10°44'05.84"    | E105°07'55.12" |
| 90  | SH-90        | N10°44'42.06"     | E105°07'59.00" | N10°44'38.42"    | E105°08'05.45" |
| 91  | SH-91        | N10°45'09.72"     | E105°08'06.97" | N10°45'06.09"    | E105°08'13.41" |
| 92  | SH-92        | N10°45'27.74"     | E105°08'07.00" | N10°45'24.11"    | E105°08'13.44" |
| 93  | SH-93        | N10°45'46.12"     | E105°08'05.25" | N10°45'42.49"    | E105°08'11.70" |
| 94  | SH-94        | N10°46'11.90"     | E105°07'57.50" | N10°46'08.27"    | E105°08'03.95" |

4. Các phương tiện thủy khi lưu thông trên tuyến luồng cần đi đúng phạm vi luồng, tuy nhiên cần chú ý các điểm sau:

| STT | Số hiệu điểm  | Hệ tọa độ VN-2000              |                                  | Hệ tọa độ WGS-84               |                                  | Ghi chú                                                                                                                              |
|-----|---------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |               | Vĩ độ                          | Kinh độ                          | Vĩ độ                          | Kinh độ                          |                                                                                                                                      |
| 1   | SH-29 ÷ SH-30 | N10°28'56.53"<br>N10°29'24.97" | E105°21'23.23"<br>E105°20'55.04" | N10°28'52.89"<br>N10°29'21.33" | N10°28'56.53"<br>E105°21'01.47"  | Bên trái luồng, rộng 52m, về phía HL 60m, phía TL 300m, sâu <-8m, cạn nhất -5,7m                                                     |
| 2   | SH-39 ÷ SH-43 | N10°32'48.68"<br>N10°33'16.33" | E105°19'13.03"<br>E105°17'35.04" | N10°32'45.05"<br>N10°33'12.69" | E105°19'19.47"<br>E105°17'41.48" | Từ SH-39 đến SH-40 bên trái luồng, rộng 85m; từ SH-40 đến SH-43 toàn bộ luồng, về phía HL 73m, Phía TL 400m, sâu <-8, cạn nhất -4,4m |

|   |       |               |                |               |                |                                                                                          |
|---|-------|---------------|----------------|---------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | SH-49 | N10°34'02.62" | E105°15'22.69" | N10°33'58.98" | E105°15'29.12" | Bên trái luồng, rộng 28m, về phía TL 135m, sâu < -8m, cạn nhất -6m                       |
| 4 | SH-60 | N10°36'59.54" | E105°12'46.12" | N10°36'55.91" | N10°36'59.54"  | Bên trái luồng, rộng 40m, về phía HL 440m, phía TL 310m, sâu < -6m, cạn nhất -5,4m       |
| 5 | SH-90 | N10°44'42.06" | E105°07'59.00" | N10°44'38.42" | E105°08'05.45" | Bên phải luồng, rộng 18m, bắt đầu phía TL SH-90 204m đến 592m, sâu < -6m, cạn nhất -5,8m |

5. Những điều cần lưu ý:

- Tại điểm N10°23'09.23", E105°26'51.59" (VN2000) có bến phà An Hòa cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°23'12.98", E105°26'45.00" (VN2000) có bến phà Ô Môi cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°24'20.30", E105°25'25.17" (VN2000) có bến phà Trà Ôn cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°24'55.80", E105°24'57.79" (VN2000) có bến đò Cần Xây cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°25'42.20", E105°24'38.05" (VN2000) có bến đò cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°26'56.63", E105°23'29.59" (VN2000) có bến đò Sơn Đốc cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°27'16.05", E105°22'59.83" (VN2000) có bến phà Mương Ranh cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°29'28.42", E105°20'51.98" (VN2000) có bến đò Rạch Gộc cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°31'35.93", E105°19'46.45" (VN2000) có bến đò Chùa cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°32'09.56", E105°19'35.76" (VN2000) có bến đò Bình Thủy cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°33'13.85", E105°18'31.18" (VN2000) có bến đò cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°33'16.87", E105°17'31.44" (VN2000) có bến phà Năng Gù cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°33'21.53", E105°17'01.06" (VN2000) có bến đò Thanh Bình cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°33'37.92", E105°15'55.97" (VN2000) có bến đò Cây Dương cắt ngang luồng.

- Tại điểm N10°34'25.24", E105°14'55.33" (VN2000) có bến đò Thị Đạm – Cái Dầu cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°36'11.67", E105°13'13.74" (VN2000) có bến đò Bến Cát cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°37'27.81", E105°12'38.40" (VN2000) có bến đò Vĩnh Tre cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°38'17.67", E105°12'43.79" (VN2000) có bến đò Vàm Xếp cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°40'00.43", E105°12'44.24" (VN2000) có bến đò Khánh Hòa cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°41'33.87", E105°11'39.53" (VN2000) có bến đò Khánh Hòa – Thơm Rơm cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°41'47.28", E105°11'11.53" (VN2000) có bến đò Phú Lạc – Khánh Hòa cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°42'11.21", E105°09'34.27" (VN2000) có bến đò Phú Hiệp cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°42'29.96", E105°07'47.51" (VN2000) có bến phà Châu Giang (cũ) cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°42'33.12", E105°07'35.57" (VN2000) có bến phà Châu Giang cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°43'08.96", E105°07'30.49" (VN2000) có bến đò Đa Phước – Châu Phong cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°44'32.34", E105°07'55.92" (VN2000) có bến đò Hà Bảo cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°45'06.43", E105°08'05.96" (VN2000) có bến đò Vĩnh Trường 2 cắt ngang luồng.
- Tại điểm N10°46'00.72", E105°08'00.86" (VN2000) có bến đò Vĩnh Trường cắt ngang luồng.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo định kỳ luồng đường thủy nội địa quốc gia luồng sông Hậu tháng 12/2017 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện lưu hành an toàn./. 

**Nơi nhận:**

- Cục trưởng (để b/c);
- Chi cục ĐTNĐ Nam;
- Các CV ĐTNĐ 3, 4;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.



**Phan Văn Duy**